

BỘ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**BỘ TÀI CHÍNH - NGÂN
HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2006/TTLT-
BTC-NHNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2006

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn trao đổi, cung cấp thông tin giữa
cơ quan thuế với ngân hàng và tổ chức tín dụng**

- Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 1992; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;

- Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

- Căn cứ Nghị định số 155/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, tạo điều kiện quản lý thu thuế, kiểm tra sau thông quan và đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thống nhất hướng dẫn việc phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế, cơ quan hải quan (gọi chung là cơ quan thuế) và ngân hàng, tổ chức tín dụng (gọi chung là ngân hàng) như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Việc phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế và ngân hàng chỉ được thực hiện trong trường hợp tổ chức, cá nhân có dấu hiệu gian lận thuế,

gian lận thương mại; cơ quan thuế có quyết định kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; tổ chức, cá nhân kinh doanh có đề nghị vay vốn của ngân hàng, hoặc đang vay vốn ngân hàng mà ngân hàng cần xem xét năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đó trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngân hàng.

2. Các thông tin cung cấp phải được sử dụng đúng mục đích để phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhận thông tin.

3. Các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân là thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước của cơ quan thuế, ngân hàng thì phải được cung cấp, vận chuyển, giao nhận, sử dụng, thống kê, lưu trữ và bảo quản theo chế độ bảo vệ bí mật hiện hành của Nhà nước.

4. Đối tượng cung cấp, sử dụng thông tin là cơ quan thuế, ngân hàng.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

5. Các trường hợp cung cấp thông tin

5.1. Đối với cơ quan thuế:

Cơ quan thuế được đề nghị ngân hàng cung cấp thông tin về hoạt động thanh toán liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; tài liệu liên quan đến việc thanh toán lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ cho việc kiểm tra, xác định trị giá tính thuế, bao gồm các trường hợp sau:

- Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, chính xác thông tin về giá mua, giá bán, trị giá thanh toán lô hàng xuất, nhập khẩu phục vụ cho việc kiểm tra xác định nghĩa vụ thuế phải nộp cho cơ quan thuế.

- Bị cơ quan hải quan áp dụng biện pháp kiểm tra sau thông quan.

- Thay đổi địa chỉ đăng ký kinh doanh hoặc bỏ trốn khỏi nơi cư trú mà không thông báo.

- Hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan đến lô hàng xuất, nhập khẩu có dấu vết sửa chữa, tẩy xóa nhằm làm sai lệch tài liệu, chứng từ.

5.2. Đối với ngân hàng:

Ngân hàng được đề nghị cơ quan thuế cung cấp những thông tin liên quan đến khách hàng, bao gồm các trường hợp sau:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị vay vốn ngân hàng hoặc đang vay vốn ngân hàng mà ngân hàng cần xem xét năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đó;
- Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, hoặc có giao dịch đáng ngờ theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh không thực hiện các quy định về thanh toán, tín dụng của ngân hàng;

6. Thẩm quyền cung cấp và đề nghị cung cấp thông tin

6.1. Đối với cơ quan thuế:

Cục trưởng hoặc Phó cục trưởng cục thuế, Cục kiểm tra sau thông quan, Cục điều tra chống buôn lậu, cục hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền ký văn bản cung cấp hoặc đề nghị cung cấp thông tin quy định tại Điểm 7, Điểm 8 Thông tư này.

6.2. Đối với ngân hàng:

Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) các ngân hàng; Giám đốc, Phó giám đốc Sở giao dịch; Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh ngân hàng tại tỉnh, thành phố có thẩm quyền ký văn bản cung cấp hoặc đề nghị cung cấp thông tin quy định tại Điểm 7, Điểm 8 Thông tư này.

7. Những thông tin, tài liệu được cung cấp

7.1. Ngân hàng được cung cấp cho cơ quan thuế những thông tin, tài liệu sau đây:

Số hiệu tài khoản thanh toán, bản sao sổ kế toán chi tiết tài khoản thanh toán, bản sao bộ chứng từ thanh toán quốc tế, thanh toán biên mậu qua ngân hàng của tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điểm 5.1 của Thông tư này.

7.2. Cơ quan thuế được cung cấp cho ngân hàng những thông tin, tài liệu sau đây:

- Thông tin chung về tổ chức, cá nhân kinh doanh: tên, địa chỉ (số điện thoại, fax nếu có) của tổ chức, cá nhân kinh doanh mới đăng ký hoạt động đã có mã số thuế; tổ chức, cá nhân kinh doanh ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, đổi tên, đổi mã số, chuyển địa bàn hoạt động;
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của tổ chức, cá nhân.

- Bộ hồ sơ hải quan của tổ chức, cá nhân kinh doanh để làm căn cứ cho ngân hàng phối hợp với cơ quan thuế trong việc đối chiếu, xác nhận trong trường hợp cần thiết nhằm bảo đảm thu hồi các khoản nợ của tổ chức, cá nhân đó.

8. Hình thức cung cấp thông tin

8.1. Đối chiếu, xác nhận bằng văn bản:

Bên đề nghị cung cấp thông tin phải gửi văn bản đề nghị cho bên cung cấp thông tin, trong đó thể hiện đầy đủ các yếu tố sau:

- Mục đích đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu;
- Nội dung các thông tin, tài liệu cần đối chiếu, xác nhận (loại thông tin, chứng từ, tên tổ chức, cá nhân kinh doanh...);
- Cam kết bảo mật thông tin nhận được;
- Chữ ký (có đóng dấu) của người có thẩm quyền theo quy định tại Điểm 6 Thông tư này của bên đề nghị cung cấp thông tin.

8.2. Đối chiếu, xác nhận trực tiếp:

Bên đề nghị cung cấp thông tin cử người trực tiếp đến đối chiếu, xác nhận hoặc sao chụp thông tin, tài liệu tại bên được đề nghị cung cấp thông tin. Người đến trực tiếp đối chiếu phải đáp ứng đủ những điều kiện sau:

- Được ủy quyền bằng văn bản do người có thẩm quyền quy định tại Điểm 6 Thông tư này ký, đóng dấu.
- Có văn bản đề nghị cung cấp thông tin theo nội dung quy định tại Điểm 8.1 Thông tư này.

Việc đối chiếu, xác nhận hoặc sao chụp thông tin, tài liệu phải được lập thành Biên bản. Biên bản cung cấp thông tin bao gồm các nội dung sau: ngày, tháng, năm lập biên bản, khoảng thời gian cung cấp thông tin, địa điểm cung cấp thông tin, nội dung chi tiết các thông tin cung cấp, phạm vi và mục đích sử dụng thông tin, người đại diện cho bên cung cấp và đại diện bên đề nghị cung cấp thông tin, những người tham gia vào việc cung cấp thông tin và nhận thông tin. Biên bản phải được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

9. Quyền hạn của các bên

Cơ quan thuế, ngân hàng có quyền đề nghị cung cấp thông tin theo các quy định tại Thông tư này; có quyền từ chối cung cấp thông tin ngoài phạm vi quy định tại Điểm 7 Thông tư này;

10. Trách nhiệm của các bên

10.1. Bên cung cấp thông tin có trách nhiệm:

- Cung cấp thông tin đúng đối tượng, phạm vi theo nội dung văn bản yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, trừ trường hợp do tính chất phức tạp của các thông tin cung cấp và tránh gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của bên cung cấp thông tin, thời hạn nói trên có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin;

- Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cung cấp thông tin, bao gồm: văn bản yêu cầu cung cấp thông tin, biên bản đối chiếu, xác nhận thông tin, các chứng từ, tài liệu cần thiết khác;

- Bảo mật nội dung cung cấp thông tin để ngăn chặn các hành vi ứng phó của tổ chức, cá nhân thuộc diện nghi vấn.

10.2. Bên đề nghị cung cấp thông tin có trách nhiệm:

- Chỉ sử dụng thông tin, tài liệu theo đúng mục đích, trường hợp sử dụng thông tin, tài liệu không đúng mục đích thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;

- Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc cung cấp thông tin, bao gồm: biên bản đối chiếu, xác nhận thông tin, các chứng từ, tài liệu được cung cấp;

- Thực hiện bảo mật những thông tin thuộc danh mục bí mật của Nhà nước của cơ quan thuế và ngân hàng theo quy định tại Điểm 3, Thông tư này;

11. Phối hợp trao đổi thông tin qua hệ thống tin học

Thông tư này không áp dụng đối với việc cung cấp thông tin thông qua môi trường liên ngành giữa cơ quan thuế và ngân hàng. Đối với việc cung cấp thông tin qua hệ thống tin học, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ có hướng dẫn riêng khi có đủ điều kiện áp dụng.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

12. Trong quá trình phối hợp công tác, trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân là khách hàng của mình có dấu hiệu mất khả năng thanh toán, ngân hàng chủ động thông báo cho cơ quan thuế biết để có biện pháp ngăn ngừa các hành vi trốn thuế.

Ngược lại, khi phát hiện tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu phá sản, giải thể, cơ quan thuế chủ động thông báo cho ngân hàng biết để kịp thời thu hồi nợ vay.

13. Mọi phát sinh, vướng mắc trong quá trình phối hợp trao đổi thông tin phải báo cáo cấp trên trực tiếp biết để phối hợp giải quyết kịp thời. Trường hợp không giải quyết được thì phản ánh về Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thống nhất xử lý.

14. Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

**KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nguyễn Đồng Tiến

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Trương Chí Trung